

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Tạ trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy Tạ (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 825/QĐ-UB ngày 14 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103011230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 3 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 21 tháng 7 năm 2015, mã số doanh nghiệp: 0100107268. Vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).

Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: THUY TA JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: THUY TA., JSC

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 6 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thị Hải Thanh	Chủ tịch
	Ông Hoàng Minh Thọ	Ủy viên
	Bà Mai Khuê Anh	Ủy viên
	Bà Lê Thanh Hiền	Ủy viên
	Ông Bùi Tấn Tài	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Hoàng Minh Thọ	Giám đốc
	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Xuân Tới	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Hoàng Minh Thọ

Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2017

Số: 276/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Thủy Tạ

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy Tạ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Tạ, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.4, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã chi vượt quỹ tiền lương được duyệt của năm 2015 với số tiền 1.934.847.500 đồng và năm 2014 là 5.760.745.504 đồng. Phần chi vượt nêu trên đang theo dõi tại khoản mục Phải thu khác tại 31 tháng 12 năm 2016.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng Lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue handwritten signature, likely belonging to Lê Thị Thanh Vân, written in a cursive style.

Phan Thanh Nam**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 17/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.**

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2017

Lê Thị Thanh Vân**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2723-2015-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39.108.383.107	35.197.333.888
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.515.729.520	2.994.959.115
1. Tiền	111		5.515.729.520	2.994.959.115
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.883.812.560	10.300.649.985
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	2.208.061.761	1.651.295.957
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.381.378.352	188.927.660
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	8.319.372.447	8.485.426.368
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(25.000.000)	(25.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	20.842.131.292	21.108.277.027
1. Hàng tồn kho	141		20.842.131.292	21.108.277.027
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		866.709.735	793.447.761
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	866.709.735	793.447.761
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.677.503.217	21.488.987.330
II. Tài sản cố định	220		15.614.309.658	16.794.446.654
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	15.614.309.658	16.794.446.654
- Nguyên giá	222		57.410.388.731	62.751.317.488
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.796.079.073)	(45.956.870.834)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	500.000.000	500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		500.000.000	500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.563.193.559	4.194.540.676
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	6.563.193.559	4.194.540.676
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		61.785.886.324	56.686.321.218

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ

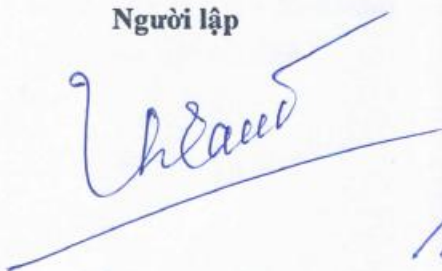
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

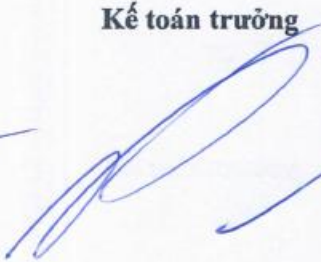
	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		14.554.440.126	12.296.581.754
I. Nợ ngắn hạn	310		14.471.440.126	12.199.581.754
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	3.052.396.878	2.636.486.512
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	1.012.542.968	886.698.755
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	7.140.018.336	6.726.506.532
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	3.266.481.944	1.841.916.669
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		-	107.973.286
II. Nợ dài hạn	330		83.000.000	97.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.11	83.000.000	97.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		47.231.446.198	44.389.739.464
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	47.231.446.198	44.389.739.464
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		30.000.000.000	30.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.206.645.075	5.080.498.181
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.024.801.123	9.309.241.283
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>5.036.992.685</i>	<i>8.904.967.361</i>
<i>- LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>6.987.808.438</i>	<i>404.273.922</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		61.785.886.324	56.686.321.218

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng



Phạm Tuấn Điệp

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2017

Giám đốc

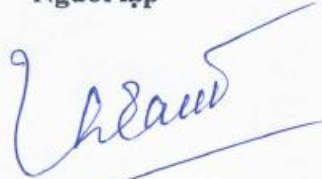


Hoàng Minh Thọ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	110.459.410.230	105.139.043.108
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.15	104.861.233	204.976.971
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.16	110.354.548.997	104.934.066.137
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	61.140.232.713	60.953.058.744
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		49.214.316.284	43.981.007.393
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	7.793.258	43.813.471
7. Chi phí tài chính	22	5.19	347.143.711	336.180.453
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		347.143.711	336.180.453
8. Chi phí bán hàng	25		38.650.830.987	33.584.292.477
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.125.229.606	2.726.140.083
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		8.098.905.238	7.378.207.851
11. Thu nhập khác	31	5.20	1.347.741.817	708.131.499
12. Chi phí khác	32	5.20	169.509.208	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.178.232.609	708.131.499
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		9.277.137.847	8.086.339.350
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	1.889.329.409	1.778.994.657
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		7.387.808.438	6.307.344.693
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	2.093	1.787

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng



Phạm Tuấn Điệp

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2017

Giám đốc



Hoàng Minh Thọ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

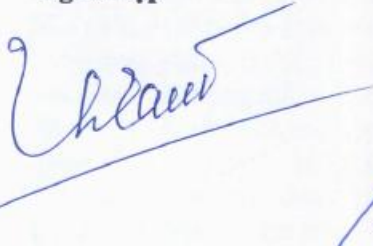
CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	130.891.662.316	128.694.261.431
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(88.518.539.820)	(88.955.203.250)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(23.078.931.100)	(22.937.624.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(347.143.711)	(336.180.453)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.858.633.021)	(1.611.537.294)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.353.446.362	725.131.499
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.622.230.724)	(6.509.842.086)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.819.630.302	9.069.005.847
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(3.403.076.672)	(682.972.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	639.545.454	24.362.726
3. Tiền chi cho vay	23	-	(2.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	-	2.900.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.793.258	42.673.610
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.755.737.960)	(615.935.664)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.262.065.268	5.994.559.760
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.254.831.205)	(7.686.054.454)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.550.356.000)	(4.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.543.121.937)	(6.191.494.694)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	2.520.770.405	2.261.575.489
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.994.959.115	733.383.626
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.515.729.520	2.994.959.115

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Thanh Tâm

Phạm Tuấn Điệp

Hoàng Minh Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy Tạ (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 825/QĐ-UB ngày 14 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103011230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 3 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 21 tháng 7 năm 2015, mã số doanh nghiệp: 0100107268. Vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).

Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: THUY TA JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt: THUY TA., JSC

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 6 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Sở hữu vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	1.537.350	15.373.500.000	51,25%
Các cổ đông khác	1.462.650	14.626.500.000	48,75%
Tổng	3.000.000	30.000.000.000	100%

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng;
- Sản xuất các loại bánh từ bột, chi tiết: đầu tư sản xuất và kinh doanh các mặt hàng thực phẩm bánh;
- Sản xuất ca cao, socola và mút kẹo, chi tiết: đầu tư sản xuất và kinh doanh các mặt hàng thực phẩm kẹo;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn, chi tiết: đầu tư sản xuất và kinh doanh các mặt hàng thực phẩm: thực phẩm chế biến;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất và kinh doanh các mặt hàng thực phẩm, đồ uống, kem ăn, sản xuất kinh doanh các mặt hàng được chế biến từ động vật, thực vật, hàng thủy sản đông lạnh, sản xuất các mặt hàng chế biến từ nông lâm, hải sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, chi tiết: đầu tư sản xuất đồ uống sạch, đá viên, nước uống tinh khiết, sữa, các loại nước giải khát;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, hàng công nghiệp, gia công các mặt hàng tiêu dùng phục vụ trong nước và xuất khẩu;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: kinh doanh các mặt hàng thực phẩm được chế biến, như kem ăn, kinh doanh các mặt hàng được chế biến từ động vật, thực vật, hàng thủy sản đông lạnh, bán buôn thực phẩm;
- Bán đồ uống, chi tiết: buôn bán rượu, bia, nước giải khát, thuốc lá (không bao gồm kinh doanh quán bar), kinh doanh đồ uống sạch, đá viên, nước uống tinh khiết, sữa, các loại nước giải khát;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lá, chi tiết: bán buôn thuốc lá trừ thuốc lá ngoại;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết: bán buôn nông sản, thu mua, kinh doanh các mặt hàng nông, lâm, hải sản;

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: thu mua kinh doanh các mặt hàng nông, lâm, hải sản;
- Điều hành tour du lịch, chi tiết: kinh doanh lữ hành nội địa và các dịch vụ du lịch khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)
- Đại lý môi giới, đấu giá, chi tiết: đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa sản phẩm tiêu dùng kỹ thuật: nghe nhìn, điện tử gia dụng, công nghệ thông tin, kỹ thuật số, đại lý bán buôn, bán lẻ hàng hóa, tư liệu về ngành ảnh;
- Hoạt động nhiếp ảnh, chi tiết: dịch vụ tráng, rọi ảnh màu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: xuất nhập khẩu những mặt hàng Công ty kinh doanh, nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên liệu cho chế biến thực phẩm, đồ uống, máy móc, thiết bị, nguyên liệu cho chế biến thực phẩm, đồ uống, máy móc, vật tư thiết bị phụ tùng cho sản xuất công, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các loại hàng tiêu dùng được Nhà nước cho phép, phương tiện vận tải và phương tiện vận chuyển hành khách (mô tô, xe máy); xuất khẩu hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông sản, thủ công mỹ nghệ, hàng thực phẩm chế biến, đồ uống thủy hải sản đông lạnh; xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, hải sản, thủ công mỹ nghệ và hàng công nghiệp (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Trong năm 2016, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh nhà hàng, sản xuất kem Thủy Tạ, nước tinh khiết nhãn hiệu Pha Lê bán ra thị trường.

1.3. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của thị trường du lịch theo mùa vụ, phụ thuộc vào thị trường tiêu thụ hàng hóa. Khi thị trường mùa du lịch các hoạt động của công ty như kinh doanh nhà hàng, ăn uống, bán kem Thủy Tạ số lượng hàng hóa dịch vụ tiêu thụ lớn thì doanh thu của Công ty gia tăng, ngược lại, khi hết mùa du lịch, số lượng khách đến Hà Nội ít, mức tiêu thụ hàng hóa giảm, các dịch vụ khác cũng giảm theo, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2016, Công ty không có các đơn vị trực thuộc.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Tiên Phong tại ngày 31/12/2016.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Tiên Phong tại ngày 31/12/2016.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn dưới 03 tháng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng, (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2016 (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	07
Máy móc thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 10

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Hàng bán bị trả lại:** do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê kho, bến bãi) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, Kể cả Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội, các Công ty con của công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	3.905.049.195	2.675.466.104
Tiền gửi ngân hàng	1.610.680.325	319.493.011
Tổng	5.515.729.520	2.994.959.115

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	2.208.061.761	1.651.295.957
FIVIMART (cty Nhất Nam)	439.954.204	450.932.243
BIG C	45.652.363	282.591.588
Hệ thống Lan Chi	406.932.475	-
Các đối tượng khác	1.315.522.719	917.772.126
Tổng	2.208.061.761	1.651.295.957

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp hàng không	129.011.360	7.480.368
Công ty TNHH Thiết bị và phụ tùng Bách Khoa	1.027.488.000	-
GIVAUDAN SINGAPORE PTE.,LTD	-	116.447.292
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Lê	180.298.992	-
Các đối tượng khác	44.580.000	65.000.000
Tổng	1.381.378.352	188.927.660

5.4 Các khoản phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	8.319.372.447	-	8.485.426.368	-
- Phải thu khác	8.310.472.447	-	8.359.526.368	-
Tiền lương chi vượt đơn giá được trích năm 2014 và năm 2015	7.695.593.004	-	7.695.593.004	-
Công ty Cổ phần kiến trúc xây dựng Quốc tế Idea	-	-	373.828.364	-
Các đối tượng khác	614.879.443	-	290.105.000	-
- Tạm ứng	8.900.000	-	125.900.000	-
Tổng	8.319.372.447	-	8.485.426.368	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.5 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.947.395.067	-	8.225.956.237	-
Công cụ, dụng cụ	7.779.290.543	-	6.937.234.997	-
Chi phí SX KDDD	2.174.744.104	-	3.044.885.170	-
Hàng hóa	2.940.701.578	-	2.900.200.623	-
Tổng	20.842.131.292	-	21.108.277.027	-

5.6 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2016	20.173.951.423	37.511.886.891	5.065.479.174	62.751.317.488
Tăng trong năm	64.420.000	1.944.392.000	-	2.008.812.000
Mua trong năm	64.420.000	1.944.392.000	-	2.008.812.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	7.349.740.757	-	7.349.740.757
Thanh lý, nhượng bán	-	7.349.740.757	-	7.349.740.757
Số dư tại 31/12/2016	20.238.371.423	32.106.538.134	5.065.479.174	57.410.388.731
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2016	11.481.494.790	29.571.502.205	4.903.873.839	45.956.870.834
Tăng trong năm	1.413.045.550	1.677.789.673	98.113.773	3.188.948.996
Khấu hao trong năm	1.413.045.550	1.677.789.673	98.113.773	3.188.948.996
Giảm trong năm	-	7.349.740.757	-	7.349.740.757
Thanh lý, nhượng bán	-	7.349.740.757	-	7.349.740.757
Số dư tại 31/12/2016	12.894.540.340	23.899.551.121	5.001.987.612	41.796.079.073
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2016	8.692.456.633	7.940.384.686	161.605.335	16.794.446.654
Tại 31/12/2016	7.343.831.083	8.206.987.013	63.491.562	15.614.309.658

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2016 là 33.622.982.358 đồng (tại 31/12/2015 là 30.464.984.232 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.7 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

Tỷ lệ Vốn năm giữ Quyền biểu quyết	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Sự kiện và Âm thực Hapro	500.000.000	-	500.000.000	-
Tổng	500.000.000	-	500.000.000	-

Đầu tư dài hạn khác là góp vốn vào Công ty Cổ phần Sự kiện và Âm thực Hapro (5% vốn điều lệ). Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 08 tháng 8 năm 2009. Công ty không trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư do không có đầy đủ thông tin để đánh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	866.709.735	793.447.761
Các chi phí khác	866.709.735	793.447.761
Dài hạn	6.563.193.559	4.194.540.676
Chi phí công cụ dụng cụ	5.223.058.192	3.626.844.495
Chi sửa chữa văn phòng, quầy hàng	513.896.061	208.723.297
Bộ nhận diện thương hiệu Thủy Tạ	-	32.394.445
Các khoản khác	826.239.306	326.578.439
Tổng	7.429.903.294	4.987.988.437

5.9 Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	3.052.396.878	3.052.396.878	2.636.486.512	2.636.486.512
Công ty TNHH TM Hoàng Lê	-	-	317.616.530	317.616.530
Quầy Hồng Vân	903.892.987	903.892.987	154.580.233	154.580.233
Các đối tượng khác	2.148.503.891	2.148.503.891	2.164.289.749	2.164.289.749
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	3.052.396.878	3.052.396.878	2.636.486.512	2.636.486.512

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
	Phải nộp	886.698.755	7.941.730.991	7.815.886.778
Thuế giá trị gia tăng	349.025.620	5.589.180.582	5.480.647.757	457.558.445
Thuế thu nhập doanh nghiệp	496.073.135	1.889.329.409	1.858.633.021	526.769.523
Thuế tài nguyên	41.600.000	463.221.000	476.606.000	28.215.000

5.11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	7.140.018.336	6.726.506.532
Kinh phí công đoàn	37.036.880	26.382.258
Bảo hiểm xã hội	54.370.257	234.300.247
Phải trả, phải nộp khác	7.048.611.199	6.465.824.027
Tiền thuê nhà, thuê đất	6.539.384.487	5.422.842.932
Các khoản phải trả khác	509.226.712	1.042.981.095
Dài hạn	83.000.000	97.000.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	83.000.000	97.000.000
Tổng	7.223.018.336	6.823.506.532

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

Vay	31/12/2016		Phát sinh trong năm		01/01/2016	Số có	
	Giá trị khả năng trả nợ	khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Giá trị	khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	2.016.481.944	2.016.481.944	3.679.396.480	3.504.831.205	1.841.916.669	1.841.916.669	1.841.916.669
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm	1.991.231.944	1.991.231.944	3.679.396.480	3.504.831.205	1.816.666.669	1.816.666.669	1.816.666.669
Vay đối tượng khác	25.250.000	25.250.000	-	-	25.250.000	25.250.000	25.250.000
Vay dài hạn	1.250.000.000	1.250.000.000	2.000.000.000	750.000.000	-	-	-
Ngân hàng ĐTPT Việt Nam	1.250.000.000	1.250.000.000	2.000.000.000	750.000.000	-	-	-
Tổng	3.266.481.944	3.266.481.944	5.679.396.480	4.254.831.205	1.841.916.669	1.841.916.669	1.841.916.669

Hợp đồng tín dụng số 01/26/5/2015, bên cho vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm, số tiền vay 2 tỷ đồng, thời hạn vay 24 tháng (từ 01/6/2015 đến 01/6/2017, mục đích vay mua sắm thiết bị phục vụ kinh doanh Nhà hàng; lãi suất vay lần giải ngân đầu tiên là 10,3%/năm, lãi suất lần sau bằng lãi suất cơ bản của Ngân hàng TMCP Tiên Phong cộng biên độ 3%/năm. Tài sản đảm bảo hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 162/2016/HDTD/LBN/01 ngày 16/12/2016, bên cho vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức 5.000.000.000 đồng. Thời hạn sử dụng hạn mức 12 tháng, kể từ 16/12/2016. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động nhà hàng. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Không áp dụng biện pháp đảm bảo.

Hợp đồng tín dụng số 01/2016/134748/HDTD ngày 2/2/2016, bên cho vay: NH TMCP Đầu tư và phát triển VN - CN Hà Nội, số tiền vay 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày rút khoản vay đầu tiên, mục đích mua tu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh kem. Lãi suất cho vay áp dụng cho kỳ đầu tiên, được xác định từ thời điểm rút vốn vay đến ngày 1/8/2016 là: 10%/năm. Lãi suất điều chỉnh 06 tháng/lần, vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất theo Thông báo lãi suất vay của BIDV. Tài sản đảm bảo hình thành từ vốn vay.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B09 - DN

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	30.000.000.000	-	4.953.803.578	52.695.000	8.904.967.361	43.911.465.939
Tăng trong năm	-	-	126.694.603	443.431.111	6.307.344.693	6.877.470.407
Lãi trong năm	-	-	-	-	6.307.344.693	6.307.344.693
Phân phối lợi nhuận	-	-	126.694.603	443.431.111	-	570.125.714
Giảm trong năm	-	-	-	496.126.111	5.903.070.771	6.399.196.882
Trả cổ tức 2014	-	-	-	-	4.500.000.000	4.500.000.000
Trích lập quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	126.694.603	126.694.603
Trích bổ sung quỹ KTPL 2014	-	-	-	-	106.778.412	106.778.412
Trích Phụ cấp HĐQT	-	-	-	496.126.111	443.431.111	939.557.222
Tạm trích quỹ KTPL năm 2015	-	-	-	-	400.000.000	400.000.000
Chi phí phạt thuế	-	-	-	-	326.166.645	326.166.645
Số dư tại 31/12/2015	30.000.000.000	-	5.080.498.181	-	9.309.241.283	44.389.739.464
Số dư tại 01/01/2016	30.000.000.000	-	5.080.498.181	-	9.309.241.283	44.389.739.464
Tăng trong năm	-	-	126.146.894	-	7.387.808.438	7.513.955.332
Lãi trong năm	-	-	-	-	7.387.808.438	7.387.808.438
Phân phối lợi nhuận	-	-	126.146.894	-	-	126.146.894
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.672.248.598	4.672.248.598
Trích quỹ ĐTPT	-	-	-	-	126.146.894	126.146.894
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	104.587.575	104.587.575
Phụ cấp HĐQT&BKS 2015	-	-	-	-	441.514.129	441.514.129
Trả cổ tức 2015	-	-	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000
Tạm trích quỹ KPTL 2016	-	-	-	-	400.000.000	400.000.000
Số dư tại 31/12/2016	30.000.000.000	-	5.206.645.075	-	12.024.801.123	47.231.446.198

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng công ty Thương mại Hà Nội	15.373.500.000	15.373.500.000
Vốn góp của cổ đông khác	14.626.500.000	14.626.500.000
Tổng	30.000.000.000	30.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.600.000.000	4.500.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.14 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán kem	54.047.825.028	50.799.096.347
Doanh thu Nhà hàng	35.158.680.947	35.519.771.661
Doanh thu bán đá và nước đá	4.408.926.832	5.615.346.078
Doanh thu, hàng hóa, dịch vụ khác	16.843.977.423	13.204.829.022
Tổng	110.459.410.230	105.139.043.108

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.15 Giảm trừ doanh thu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chiết khấu thương mại	104.861.233	204.976.971
Tổng	104.861.233	204.976.971

5.16 Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán kem	53.942.963.795	50.799.096.347
Doanh thu Nhà hàng	35.158.680.947	35.519.771.661
Doanh thu bán đá và nước đá	4.408.926.832	5.615.346.078
Doanh thu dịch vụ khác	16.843.977.423	12.999.852.051
Doanh thu thuần	110.354.548.997	104.934.066.137

5.17 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán kem	33.804.084.826	33.874.090.240
Giá vốn Nhà hàng	12.614.740.368	4.314.051.824
Giá vốn bán đá và nước đá	3.272.894.492	12.292.552.984
Giá vốn dịch vụ khác	11.448.513.027	10.472.363.696
Tổng	61.140.232.713	60.953.058.744

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.793.258	43.813.471
Tổng	7.793.258	43.813.471

5.19 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	347.143.711	336.180.453
Tổng	347.143.711	336.180.453

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.20 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	639.545.454	16.422.726
Lãi liên doanh liên kết	546.514.544	392.727.274
Thu khác	161.681.819	298.981.499
Tổng	1.347.741.817	708.131.499
Chi phí khác		
Chi phí khác	169.509.208	-
Tổng	169.509.208	-
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	1.178.232.609	708.131.499

5.21 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	9.277.137.847	8.086.339.350
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế:	-	-
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>169.509.208</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	9.446.647.055	8.086.339.350
Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	9.446.647.055	8.086.339.350
Thuê suất thuế TNDN	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.889.329.409	1.778.994.657
Tổng thuế TNDN năm hiện hành	1.889.329.409	1.778.994.657

5.22 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.387.808.438	6.307.344.693
Trích quỹ khen thưởng	(591.024.675)	(504.587.575)
Phụ cấp HĐQT&BKS	(517.146.591)	(441.514.129)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.279.637.172	5.361.242.989
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.093	1.787

Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (8% lợi nhuận sau thuế) và Phụ cấp HĐQT&BKS (7% lợi nhuận sau thuế) năm 2016 được dự kiến bằng với tỷ lệ trích của năm 2015 để tính toán chỉ tiêu Lãi trên cổ phiếu. Mức trích thực tế sẽ được quyết định sau khi có Nghị quyết đại hội cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.23 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.513.179.696	46.814.454.861
Chi phí nhân công	23.071.152.800	21.002.776.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.188.948.996	3.103.723.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.038.206.008	23.619.664.505
Chi phí khác bằng tiền	2.125.229.606	2.726.140.083
Tổng	101.936.717.106	97.266.759.804

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan


Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Hội đồng quản trị	Thù lao	315.367.235	496.126.111
Ban điều hành	Tiền lương, thưởng	654.267.600	704.527.300

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán quốc tế Moore Stephens.

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng



Phạm Tuấn Điệp

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2017

Giám đốc



Hoàng Minh Thọ

